

Số: 254/BKH&CN-KHTC

V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch
KH&CN năm 2021

Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2020

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ (KH&CN); Luật Ngân sách nhà nước (NSNN); Luật Đầu tư công; Quyết định số 1318/QĐ-BKH&CN ngày 05/6/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025; Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Trong thời gian chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025, Đề án về phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 10 năm 2021 – 2030 gắn với Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam đến năm 2030 và để bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2021, Bộ KH&CN hướng dẫn các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là các Bộ, ngành, địa phương) tổ chức việc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch KH&CN năm 2020, 05 năm 2016 – 2020 và xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2021 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KH&CN NĂM 2020 VÀ 05 NĂM 2016 – 2020

Dự kiến vào khoảng tháng 6 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ sẽ có Chỉ thị về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và Bộ Tài chính sẽ hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2021. Bộ KH&CN đề nghị các Bộ, ngành, địa phương chủ động xây dựng các nội dung phục vụ cho việc xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2021, tổng hợp vào kế hoạch KH&CN năm 2021 phần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và ngân sách 5 năm giai đoạn 2016 – 2020 và năm 2020 với các yêu cầu cụ thể như sau:

I. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo 05 năm giai đoạn 2016-2020

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Bộ, ngành, địa phương đánh giá tình hình triển khai thực hiện các nội dung về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong các Luật, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ và Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ phục vụ: Đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; cơ cấu lại nền kinh tế; thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập quốc tế; quản lý nợ công; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; thúc đẩy phát triển doanh nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân và phát triển tiềm lực KH&CN; chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư. Trong đó chú trọng các nội dung:

- Việc hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), quy chuẩn kỹ thuật (QCVN), hoạt động tiêu chuẩn đo lường chất lượng;

- Các cơ chế, chính sách và quy định pháp luật về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, sở hữu trí tuệ, năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân và thông tin, thống kê KH&CN; chuyển giao công nghệ trong nước và với nước ngoài;

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp ĐMST và phát triển doanh nghiệp KH&CN, lấy doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia, các sản phẩm sáng tạo phục vụ trực tiếp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, năng suất, chất lượng theo chuỗi giá trị;

- Nâng cao năng lực công nghệ, đổi mới công nghệ, ĐMST và đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng trong doanh nghiệp; khuyến khích khởi nghiệp ĐMST; cơ chế ưu đãi, phát triển doanh nghiệp ĐMST;

- Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4;

- Cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN và ĐMST, nhất là từ doanh nghiệp;

- Cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, các vướng mắc trong thực hiện cơ chế khoán chi;

- Việc thành lập và hoạt động các Quỹ KH&CN của các Bộ, ngành, địa phương, các doanh nghiệp ...; các vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện;

- Cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư vào khu công nghệ cao, phát triển nông nghiệp công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung;

- Công tác cải cách hành chính, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, phục vụ người dân và doanh nghiệp; thực hiện dỡ bỏ các điều

kiện kinh doanh tạo thuận lợi cho doanh nghiệp.

Các Bộ, ngành, địa phương ngoài việc đánh giá kết quả đạt được trong giai đoạn 2016-2020, cần phân tích đánh giá tác động tích cực và tồn tại bất cập trong hoạt động quản lý và kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản quy phạm pháp luật/hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách để đưa KH&CN vào phục vụ trực tiếp phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia giai đoạn 05 năm 2021-2025 và 10 năm 2021-2030.

II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN và ĐMST

Các Bộ, ngành, địa phương đánh giá kết quả hoạt động KH&CN 05 năm 2016-2020 theo từng nội dung của hoạt động KH&CN và ĐMST, nêu được những kết quả nổi bật với các số liệu cụ thể minh chứng đóng góp của KH&CN, ĐMST vào phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và kinh tế - xã hội của đất nước, những tồn tại bất cập cần phải tiếp tục khắc phục để KH&CN thực sự trở thành động lực phát triển đất nước, bao gồm:

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN các cấp

a) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN được giao trong các nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ; chỉ thị; quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Năm 2020 là năm cuối để hoàn thành kế hoạch KH&CN 5 năm 2016 – 2020. Do vậy, đối với các Chương trình KH&CN cấp quốc gia giai đoạn 2016-2020 cần đánh giá kết quả 6 tháng đầu năm và ước thực hiện 6 tháng cuối năm 2020 so với mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến của khung chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để tổng kết đánh giá tình hình thực hiện kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia 05 năm 2016-2020 (Biểu TK1-3, Phụ lục 1). Đánh giá cần tập trung nêu bật sự gắn kết, đóng góp của các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia, dự án KH&CN, nhiệm vụ độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ quỹ gen, nhiệm vụ KH&CN theo nghị định thư; nhiệm vụ do Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia tài trợ... vào tốc độ tăng trưởng của ngành, lĩnh vực, địa phương và phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia. Việc đánh giá nhằm hướng tới phục vụ tái cơ cấu các chương trình KH&CN quốc gia theo hướng lấy doanh nghiệp thực sự là trung tâm của hệ thống ĐMST quốc gia, các sản phẩm sáng tạo phục vụ trực tiếp doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh, năng suất, chất lượng theo chuỗi giá trị.

(Danh mục các Chương trình/Đề án KH&CN cấp quốc gia tại các Phụ lục 3, Phụ lục 4, Phụ lục 5 kèm theo Công văn này)

c) Tình hình thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở

Đánh giá kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ KH&CN của các chương trình và nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở và nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, các chương trình phối hợp với Bộ KH&CN (nếu có). Đánh giá tập trung vào đóng góp của KH&CN đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương; tình hình thực hiện các nhiệm vụ nhằm thúc đẩy hình thành liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị (theo ba trục sản phẩm: Sản phẩm quốc gia, Sản phẩm chủ lực địa phương, Sản phẩm OCOP) để nâng cao chất lượng và giá trị, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh; những tồn tại, bất cập và đề xuất khắc phục (*có số liệu minh chứng cụ thể*).

2. Phát triển tiềm lực KH&CN

a) Đánh giá tình hình hoạt động của các tổ chức KH&CN trên địa bàn được giao quản lý; tình hình thực hiện Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016; Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 27/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành Trung ương về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Tình hình thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực KH&CN bao gồm: Chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN quy định tại Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12/5/2014 của Chính phủ; đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng NSNN theo Quyết định số 2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Kết quả phát triển hạ tầng KH&CN thuộc phạm vi được giao quản lý bao gồm: Khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung; phòng thí nghiệm trọng điểm; thông tin KH&CN; tăng cường tiềm lực cho các tổ chức KH&CN...

d) Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần đánh giá kết quả triển khai Đề án nâng cao năng lực của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo Quyết định 317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

a) Đánh giá việc hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao; hình thành và phát triển các tổ chức trung gian của thị trường KH&CN; phát triển thị trường KH&CN; các hoạt động chợ công nghệ và thiết bị, kết nối cung cầu, sàn giao dịch công nghệ.

b) Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST; không gian làm việc chung, trung tâm hỗ

trợ khởi nghiệp ĐMST, các tổ chức ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp, tổ chức thúc đẩy kinh doanh, nhà đầu tư thiên thần, quỹ đầu tư mạo hiểm; hoạt động đào tạo khởi nghiệp ĐMST, các sự kiện nhằm kết nối, phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST (Techfest).

4. Công tác đẩy mạnh ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; đảm bảo an toàn bức xạ và hạt nhân

a) Kết quả triển khai nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử trong các ngành, lĩnh vực; kết quả thực hiện các quy hoạch chi tiết, kế hoạch, đề án, dự án về ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong các ngành y tế, công nghiệp, nông nghiệp và tài nguyên môi trường theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; kết quả đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; Thông tin truyền thông về năng lượng nguyên tử.

b) Kết quả triển khai kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, sự cố hạt nhân cấp quốc gia; tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh nguồn phóng xạ tại các cơ sở sản xuất.

5. Hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN

Kết quả triển khai các hoạt động phục vụ hợp tác và hội nhập quốc tế về KH&CN trong các lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng; sở hữu trí tuệ; ứng dụng đổi mới công nghệ; an toàn, bức xạ hạt nhân và nghiên cứu, ứng dụng năng lượng nguyên tử vì mục đích hòa bình; thúc đẩy hoạt động hợp tác với các đối tác trong khu vực và thế giới về lĩnh vực KH&CN; việc thực hiện nghĩa vụ thành viên của Việt Nam đối với các cam kết quốc tế, các tổ chức, diễn đàn hợp tác đa phương mà Việt Nam tham gia; kêu gọi đầu tư, đặc biệt là thu hút người Việt Nam ở nước ngoài và các chuyên gia nước ngoài tham gia vào các hoạt động KH&CN và ĐMST trong nước; thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư, nhiệm vụ thuộc Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020 và Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020.

6. Thông tin và thống kê KH&CN

- Kết quả xây dựng hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN.
- Kết quả thực hiện hoạt động thông tin KH&CN, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin KH&CN.
- Kết quả thực hiện hoạt động thống kê KH&CN, kết quả các điều tra thống kê KH&CN và ĐMST.

7. Công tác cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử trong lĩnh vực KH&CN

- a) Công tác cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính.

b) Hiện đại hóa nền hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng Chính phủ điện tử thực hiện Nghị quyết 36a của Chính phủ.

c) Kết quả áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

8. Tình hình thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển cho KH&CN

Đánh giá và thống kê đầy đủ số lượng, nguồn vốn và kết quả thực hiện các dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển (ĐTPT) cho KH&CN (các dự án mua sắm trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, các dự án đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu, phân tích kiểm định kiểm nghiệm cho các tổ chức KH&CN, Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương...). Báo cáo chi tiết về tình hình phân bổ vốn, giải ngân, khai thác sử dụng để làm căn cứ khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục thực hiện hoặc có chủ trương đầu tư cho các dự án mới trong kế hoạch năm 2021 và đề xuất kế hoạch trung hạn 2021-2025.

9. Các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh

Đánh giá kết quả và những tồn tại, bất cập đối với các hoạt động hỗ trợ sản xuất, kinh doanh, cụ thể:

a) Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, xác lập và phát triển tài sản trí tuệ, thúc đẩy ĐMST của doanh nghiệp, ngành, địa phương. Đánh giá tổng hợp và chia theo nguồn: (i) NSNN cấp hoàn toàn; (ii) NSNN hỗ trợ thực hiện; (iii) Nguồn hoàn toàn của doanh nghiệp và xã hội (số lượng, kinh phí các nhiệm vụ và hoạt động theo nguồn).

b) Hoạt động sở hữu trí tuệ: Trong phạm vi quản lý của mình, đánh giá kết quả, thành tựu, tồn tại, hạn chế các hoạt động sau: (i) việc triển khai thực hiện Chiến lược Sở hữu trí tuệ quốc gia, phát triển và khai thác tài sản trí tuệ phục vụ phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế; (ii) hoạt động hỗ trợ, xác lập, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ cho tổ chức, cá nhân; (iii) hiệu quả thực thi quyền sở hữu trí tuệ; (iv) hoạt động hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, tài sản trí tuệ; (v) hoạt động hỗ trợ khai thác nguồn thông tin sáng chế ở trong và ngoài nước phục vụ nghiên cứu khoa học và sản xuất, kinh doanh.

c) Hoạt động Tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng: Rà soát, soát xét, phát triển hệ thống TCVN, QCVN. Rà soát danh mục sản phẩm, hàng hóa nhóm 2. Sửa đổi các quy định về chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng;

d) Kết quả triển khai các giải pháp tăng cường năng lực tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (theo tính toán Chỉ thị số 16/CT-TTg); tình hình xây dựng và thực hiện kế hoạch cải thiện chỉ số về ĐMST (GII); mức độ sẵn sàng cho sản xuất tương lai theo Bộ chỉ số của Diễn đàn kinh tế Thế giới (WEF) thuộc trách nhiệm của Bộ, ngành, địa phương mình.

đ) Các quy định hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nhận hỗ trợ của NSNN, các hoạt động tài trợ, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh vay vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo để ươm tạo công nghệ, phát triển ý tưởng, mô hình kinh doanh.

10. Hoạt động của quỹ phát triển KH&CN các cấp

Các Bộ, ngành, địa phương báo cáo công tác triển khai và việc thành lập các quỹ phát triển KH&CN, tình hình trích lập và sử dụng kinh phí, tình hình tài trợ cho các nhiệm vụ KH&CN, trong đó cần tập trung vào một số nội dung: Tình hình xây dựng mới và sửa đổi các văn bản hướng dẫn quản lý và thực hiện các nhiệm vụ của quỹ; số kinh phí đã sử dụng, số kinh phí chuyên nguồn năm sau; số lượng các công trình nghiên cứu được công bố quốc tế, trong nước; số lượng các sáng chế, giải pháp hữu ích đăng ký bảo hộ mới và các kết quả KH&CN khác; các đóng góp nổi bật về khoa học và thực tiễn của các nhiệm vụ KH&CN; đánh giá hiệu quả của việc sử dụng quỹ; những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị hướng giải quyết.

Đối với các Bộ, ngành, đơn vị quản lý các doanh nghiệp trực thuộc, báo cáo tình hình trích lập và sử dụng kinh phí của Quỹ phát triển KH&CN theo quy định của Luật KH&CN, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn luật; các đóng góp vào sự phát triển của tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp thông qua các nhiệm vụ KH&CN do quỹ tài trợ thực hiện; các kiến nghị về cơ chế, chính sách nhằm tạo thuận lợi cho việc phát huy hiệu quả của quỹ.

11. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

Đánh giá tình hình phân bổ và đánh giá kết quả thực hiện dự toán ngân sách sự nghiệp KH&CN 05 năm 2016-2020:

- Các Bộ, ngành, lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia; kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, cấp cơ sở, chương trình KH&CN trọng điểm cấp bộ; kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN... Đặc biệt, tập trung đánh giá kinh phí dành cho lương và hoạt động bộ máy qua các năm cùng với mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp;

- Các địa phương lưu ý đánh giá tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia (nếu có), kinh phí để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, thành phố, kinh phí sự nghiệp dành cho các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp, duy tu, cải tạo cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh (các Trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Trung tâm Kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng, Trung tâm thông tin...), tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN, chỉ cho KH&CN cấp huyện, chỉ đối ứng triển khai các nhiệm vụ KH&CN các cấp. Đặc biệt, tập trung đánh giá kinh phí dành cho lương và hoạt động bộ máy qua các năm cùng với mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp.

12. Một số lưu ý khi tổng kết đánh giá hoạt động KH&CN 05 năm 2016-2020

a) Các Bộ, ngành, địa phương khi đánh giá cần làm rõ:

- Kết quả nổi bật của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hoạt động ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Qua đó, có nhận xét về: tác động của các kết quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào đời sống, phát triển sản xuất, kinh doanh của ngành hoặc địa phương, hiệu quả của hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thể hiện bằng giá trị khoa học (số lượng công trình nghiên cứu đã công bố quốc tế và trong nước; số lượng các sáng chế, sản phẩm khoa học và công nghệ được cấp văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ) và giá trị thực tế (doanh thu thông qua số lượng tiến bộ kỹ thuật đã được ứng dụng và chuyển giao).

- Kết quả nổi bật của các nội dung phục vụ quản lý nhà nước đối với từng lĩnh vực hoạt động như: Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng, Sở hữu trí tuệ, Đánh giá – Thẩm định và Giám định công nghệ, Năng lượng nguyên tử, An toàn bức xạ hạt nhân, Thông tin KH&CN, Hợp tác quốc tế về KH&CN v.v...

- Tình hình thực hiện các cơ chế quản lý KH&CN, chính sách KH&CN, trong đó đặc biệt chú ý tình hình thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập; Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ KH&CN về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng NSNN; Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng NSNN; quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN v.v...

- Đầu tư cho hoạt động KH&CN và các kết quả KH&CN nổi bật của các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực ngành hoặc địa bàn được giao quản lý.

- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các hoạt động KH&CN; các nguyên nhân chủ quan, khách quan và bài học kinh nghiệm.

- Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH&CN trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH&CN trong những năm tiếp theo.

b) Các Ban Chủ nhiệm Chương trình KH&CN quốc gia; Chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2016 – 2020 căn cứ mục tiêu, nội dung, sản phẩm của từng Chương trình để đánh giá kết quả và hiệu quả của việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi chương trình theo yêu cầu tại Mục A nói trên; đánh giá và xác định những kết quả nghiên cứu thuộc phạm vi chương trình cần tiếp tục triển khai ngay trong năm 2021 để có thể áp dụng ở quy mô lớn.

c) Chú ý đánh giá một số nội dung hoạt động KH&CN khác như:

- Tình hình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN độc lập cấp quốc gia, nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản định hướng ứng dụng (bao gồm cả các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển vật lý đến năm 2020 theo quyết định 380/QĐ-TTg; Chương trình phát triển khoa học cơ bản trong 04 lĩnh vực: Hóa học, Khoa học sự sống, Khoa học trái đất và Khoa học Biển theo Quyết định số 562/QĐ-TTg), nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư, nhiệm vụ bảo tồn và khai thác quỹ gen và các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia khác...

- Tình hình và kết quả thực hiện các chương trình KH&CN của Bộ, ngành, địa phương;

- Tình hình và kết quả thực hiện chương trình phối hợp công tác giữa các Bộ, ngành, địa phương với Bộ KH&CN (nếu có);

d) Đối với các doanh nghiệp được giao chủ trì các dự án KH&CN quy mô lớn (Dự án muối Bình Định; sắt xộp Cao Bằng; Vàng Danh 2; máy kéo 4 bánh của Trường Hải...) cần đánh giá tổng thể (về tình hình triển khai dự án, kết quả thực hiện mục tiêu, nội dung, sản phẩm, hiệu quả) của cả giai đoạn từ khi bắt đầu thực hiện đến thời điểm báo cáo.

đ) Đối với các Bộ, ngành được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì các Chương trình Sản phẩm quốc gia về KH&CN (Bộ NN&PTNT, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương) các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia, Đề án hoặc các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia được Bộ KH&CN phê duyệt giao Bộ, ngành tổ chức triển khai thực hiện: Phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp – thủy sản (Bộ NN&PTNT); phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến; phát triển công nghiệp hóa dược; nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực khai thác khoáng sản; năng suất chất lượng (Bộ Công Thương); Chương trình KH&CN vũ trụ, Tây Nguyên III (Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam); Chương

trình Tây Bắc; Đề án Bách khoa thư; Đề án Bộ Địa chỉ quốc gia (Đại học Quốc gia HN); Chương trình Tây Nam Bộ (Đại học Quốc gia TP HCM); Đề án Ốc Eo (Viện Hàn lâm KH&XH Việt Nam), Chương trình khoa học giáo dục (Bộ GD&ĐT), Chương trình KH&CN về BDKH (Bộ TN&MT), Chương trình Dân tộc (Ủy ban Dân tộc) v.v... cần đôn đốc các đơn vị chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ nghiệm thu đúng hạn để có thể tổng kết đánh giá kết quả thực hiện theo các nội dung được phê duyệt tránh kéo dài sang kế hoạch năm 2021 làm phát sinh chi phí quản lý và đề xuất phương án cho giai đoạn 2021-2025.

e) Kinh phí thực hiện dự toán ngân sách được giao cho hoạt động KH&CN của từng Bộ, ngành, địa phương thực hiện năm 2020 và 05 năm từ 2016 đến hết tháng 7 năm 2020, ước thực hiện đến hết tháng 12 năm 2020.

Bộ KH&CN sẽ phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động và chi tiêu tài chính cho KH&CN của các Bộ, ngành, địa phương để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN năm 2021 theo nguyên tắc: nhiệm vụ được giao đúng người, đúng việc, ngân sách được sử dụng đúng mục đích và có hiệu quả.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2021

Kế hoạch và dự toán ngân sách cho KH&CN năm 2021 cần xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, Luật KH&CN, Luật Đầu tư công; Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 27/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn Luật, quy trình, thời gian, thuyết minh cơ sở pháp lý, căn cứ tính toán, giải trình; đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện đến hết 31/12/2021; nhiệm vụ dự kiến của Kế hoạch 05 năm giai đoạn 2021-2025. Theo đó, việc xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2021 cần gắn với việc tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung về KH&CN và ĐMST trong các Luật, Nghị quyết của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Chương trình hành động của Chính phủ, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các nhiệm vụ khác được Lãnh đạo Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao phục vụ: Phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, cải thiện môi trường kinh doanh và sức cạnh tranh; cơ cấu lại nền kinh tế; quản lý nợ công; phát triển kinh tế tư nhân; phát triển tiềm lực KH&CN. Nội dung kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2021 cần thuyết minh cụ thể, số liệu chi tiết tổng hợp chung vào các biểu tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn này, đáp ứng các yêu cầu sau:

I. Nhiệm vụ KH&CN các cấp

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia

Việc tổ chức xây dựng các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thực hiện trong kế hoạch năm 2021 được tiến hành theo quy trình sau đây:

1.1. Hiện nay, Bộ KH&CN đang tiến hành tái cơ cấu các chương trình KH&CN quốc gia theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng. Trong khi chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH&CN giai đoạn 10 năm 2021 – 2030 và Bộ KH&CN phê duyệt các chương trình KH&CN quốc gia giai đoạn 2021-2030. Để bảo đảm tiến độ xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2021, Bộ KH&CN đề nghị Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN ở tầm quốc gia theo mục tiêu, nội dung của các chương trình đã được phê duyệt giai đoạn sau năm 2020 hoặc theo từng nhóm lĩnh vực ưu tiên của ngành, lĩnh vực, của địa phương theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2014/TT-BKH&CN ngày 26/5/2014 và Thông tư số 03/2017/TT-BKH&CN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng NSNN gửi trực tiếp về Bộ KH&CN hoặc gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ hoặc các tổ chức là đầu mối quản lý nhà nước về KH&CN của Bộ, ngành; Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố để xem xét và xử lý, tổng hợp gửi Bộ KH&CN.

1.2. Đối với các Bộ, ngành có các chương trình KH&CN cấp quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao chủ trì tổ chức thực hiện (còn hiệu lực cho năm 2021) cần tổ chức xác định nhiệm vụ; tuyển chọn hoặc xét chọn nhiệm vụ KH&CN, thẩm định và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2021 theo các quy định của Luật KH&CN và hướng dẫn của Bộ KH&CN.

1.3. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN theo Nghị định thư được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2019/TT-BKH&CN ngày 29/10/2019 của Bộ trưởng Bộ KH&CN nghị Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư.

1.4. Về các dự án xây dựng các mô hình ứng dụng và chuyển giao KH&CN vào nông thôn, miền núi được thực hiện theo Thông tư số 07/2016/TT-BKH&CN ngày 22/4/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN Quy định quản lý Chương trình Hỗ trợ ứng dụng chuyển giao khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 – 2025. Các Bộ, ngành cần thông báo cho các tổ chức KH&CN trực thuộc làm việc với Sở KH&CN các tỉnh, thành phố để lựa chọn cơ quan chuyển giao công nghệ, cơ quan chủ trì dự án, xây dựng dự án theo hướng dẫn gửi Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp theo tiến độ quy định. Đặc biệt lưu ý việc gắn với các sản phẩm: Sản phẩm

quốc gia; Sản phẩm chủ lực, sản phẩm có lợi thế phát triển ở địa phương địa phương; Sản phẩm OCOP.

1.5. Đối với các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học công nghệ quốc gia tài trợ kinh phí các Bộ, ngành, địa phương cần thông báo cho các tổ chức KH&CN, các doanh nghiệp trực thuộc hoặc các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố chuẩn bị hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ kinh phí theo hướng dẫn và thông báo của Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia thuộc Bộ KH&CN để xem xét tổng hợp.

1.6. Sau khi nhận được đề xuất các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia do các Bộ, ngành, địa phương hoặc từ các tổ chức, cá nhân gửi đến, Bộ KH&CN phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương tiến hành các thủ tục theo quy trình đã quy định để thẩm định, phê duyệt nội dung kinh phí làm căn cứ bố trí thực hiện trong kế hoạch năm 2021.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở

2.1. Các Bộ, ngành, địa phương xây dựng các chương trình khoa học công nghệ cấp Bộ hoặc cấp tỉnh, thành phố phù hợp với định hướng chiến lược phát triển và kế hoạch 2021 – 2025 của ngành và địa phương. Căn cứ vào mục tiêu, nội dung của các chương trình đã được xác định và các quy định của Nhà nước, quy định của từng Bộ, ngành, địa phương để hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, ngành, địa phương, sau đó tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ KH&CN của Bộ, ngành, địa phương mình và tổ chức thực hiện việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn hoặc xét chọn, thẩm định nội dung và kinh phí trình Thủ trưởng cơ quan Bộ, ngành hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt làm căn cứ bố trí kế hoạch năm 2021 theo tiến độ ở Mục III dưới đây.

Các Bộ, ngành, địa phương chỉ lập dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN đã được thẩm định và phê duyệt theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn việc xác định nhiệm vụ KH&CN, tuyển chọn, xét chọn, thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ KH&CN theo hướng dẫn.

2.2. Đối với các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN:

- Căn cứ quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực đã được phê duyệt, các Bộ, ngành, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp các tổ chức KH&CN trực thuộc trong những năm trước đây để khẳng định sự cần thiết phải tiếp tục xây dựng hoặc xây dựng mới các dự án, đặc biệt là các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, chống xuống cấp để các tổ chức KH&CN từng bước thực hiện tự chủ theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP của Chính phủ. Các dự án này cần được thẩm

định và phê duyệt theo quy định sau khi có ý kiến của Hội đồng KH&CN cấp Bộ, tỉnh, thành phố.

- Vào thời điểm khi các Bộ, ngành, địa phương làm việc với Bộ KH&CN, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2021, Bộ KH&CN yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương phải có Thuyết minh về các dự án có liên quan và thể hiện các dự án đó trong Đề án kế hoạch KH&CN năm 2021 của Bộ, ngành, địa phương, đính kèm Quyết định phê duyệt dự án. Các Bộ, ngành, địa phương không dự toán ngân sách khi các dự án chưa được xây dựng, thẩm định và phê duyệt.

2.3. Đối với các dự án sử dụng vốn ĐTPT cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư xây dựng cơ bản cho các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu – phát triển:

- Bám sát và đảm bảo phù hợp với tiến độ, nội dung của việc xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025 của quốc gia và của ngành, lĩnh vực, địa phương, các quy hoạch có liên quan theo quy định của Luật Quy hoạch. Căn cứ quy hoạch phát triển ngành hoặc lĩnh vực, các Bộ, ngành, địa phương cần rà soát lại và đánh giá hiệu quả của việc thực hiện các dự án xây dựng cơ bản cho KH&CN để cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới hoặc đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm của các tổ chức KH&CN. Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu tiếp tục cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới, đầu tư chiều sâu cho các phòng thí nghiệm hoặc đầu tư cho các tổ chức nghiên cứu – phát triển thì hướng dẫn các đơn vị trực thuộc tiến hành điều tra, khảo sát, xây dựng dự án, thẩm định, phê duyệt theo các quy định hiện hành về quản lý vốn đầu tư và xây dựng.

- Việc xây dựng, thẩm định và phê duyệt các dự án sử dụng vốn ĐTPT cho KH&CN cần có sự chỉ đạo thống nhất của Lãnh đạo Bộ, ngành, địa phương, trong đó có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, sự phối hợp chặt chẽ giữa Vụ Khoa học và Công nghệ với các đơn vị có chức năng tổng hợp (Vụ Kế hoạch hoặc Vụ Kế hoạch – Tài chính/Ban Kế hoạch – Tài chính, Vụ Xây dựng cơ bản, Vụ Đầu tư, Cục Đầu tư) trong việc chuẩn bị các thủ tục đầu tư, xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án, bố trí kế hoạch, chỉ đạo, điều hành, giải ngân và thanh quyết toán vốn thực hiện dự án theo các quy định hiện hành để bảo đảm hiệu quả đầu tư.

Bộ KH&CN đề nghị các Bộ, ngành, địa phương không dự toán vốn ĐTPT cho KH&CN để thực hiện các dự án khi các dự án này chưa được xây dựng, thẩm định và phê duyệt trước thời hạn quy định.

2.4. Riêng đối với việc sử dụng kinh phí ĐTPT cho KH&CN để xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN ở địa phương, các Sở Khoa học và Công nghệ cần phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc chuẩn bị chủ trương đầu tư, mục tiêu, quy mô và

nội dung đầu tư, đồng thời cần chú động chuẩn bị các dự án theo yêu cầu tại Điểm 2.3 nói trên.

Kinh phí ĐTPT cho KH&CN của các tỉnh, thành phố được sử dụng để chi cho các nội dung xây dựng và phát triển tiềm lực KH&CN, chủ yếu là tăng cường cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị kỹ thuật phục vụ quản lý Nhà nước về KH&CN (Ví dụ, quản lý Nhà nước về Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng, hoặc về Kiểm soát an toàn và bức xạ hạt nhân, năng lượng nguyên tử v.v...), xây dựng và đầu tư chiều sâu cho các tổ chức KH&CN, bao gồm: Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN; Trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định đo lường; Trung tâm thông tin và thống kê KH&CN; Thư viện điện tử; Phòng thí nghiệm; các Trung tâm, Trạm trại thực nghiệm (Ví dụ công nghệ sinh học trong nông nghiệp) để triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu KH&CN hoặc chuyển giao công nghệ.

II. Một số vấn đề lưu ý trong tổ chức thực hiện

Bộ KH&CN đề nghị các Bộ, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo:

1. Năm 2021 là năm đầu tiên của kế hoạch KH&CN 5 năm 2021 – 2025, việc triển khai xây dựng kế hoạch KH&CN năm 2021 cần bám sát các định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực và các nhiệm vụ chủ yếu đã được Bộ KH&CN hướng dẫn.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia: các Bộ, ngành, địa phương căn cứ vào định hướng, chiến lược và kế hoạch phát triển của ngành, địa phương mình trong 5-10 năm tới đề xuất các nhiệm vụ cần có sự hỗ trợ của KH&CN vượt quá khả năng tự giải quyết của Bộ, ngành, địa phương mình.

3. Căn cứ vào tiến độ quy định tại Mục III dưới đây để:

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN năm 2021 của Bộ, ngành, địa phương để trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt đúng thời gian quy định.

- Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia và tổng hợp thành danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia năm 2021 gửi Bộ KH&CN.

- Cụ thể hóa tiến độ thích hợp nhằm: Tổng hợp các đề xuất thành danh mục các nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, ngành, địa phương; tổ chức việc xác định nhiệm vụ, tuyển chọn (nếu có), xét chọn, thẩm định, phê duyệt kinh phí và bố trí kế hoạch đối với các nhiệm vụ KH&CN của Bộ, ngành, địa phương mình, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của công tác kế hoạch và tài chính cho KH&CN. Khi xác định nhiệm vụ KH&CN, các Bộ, ngành, địa phương cần lưu ý mỗi nhiệm vụ chỉ đăng ký ở một cấp quản lý đảm bảo tính chất của từng loại nhiệm vụ KH&CN.

III. Tiến độ triển khai xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách KH&CN năm 2021

- Trước ngày 31/3/2020: Các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và tổng hợp các đề xuất gửi Bộ KH&CN, kể cả đề xuất đối với nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư đề Bộ KH&CN xem xét tổng hợp, làm căn cứ đàm phán hoặc ký kết với các đối tác có liên quan.

- Đến ngày 30/6/2020: Các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc tổ chức các Hội đồng xác định nhiệm vụ, tuyển chọn, xét giao trực tiếp nhiệm vụ KH&CN của Bộ, ngành, địa phương (bao gồm cả nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thuộc các chương trình KH&CN cấp quốc gia giao Bộ, ngành và cấp bộ, cấp cơ sở), thẩm định, phê duyệt kinh phí để bố trí kế hoạch thực hiện năm 2021 và tổng hợp vào kế hoạch KH&CN năm 2021 của Bộ, ngành, địa phương gửi Bộ KH&CN.

- Chậm nhất là ngày 30/6/2020, các Bộ, ngành, địa phương gửi kế hoạch KH&CN năm 2021 đến Bộ KH&CN (02 bản) để Bộ KH&CN tổng hợp, làm việc thống nhất với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về dự toán ngân sách năm 2021 của ngành KH&CN.

- Trong nửa đầu tháng 7/2020, Bộ KH&CN sẽ tổ chức các buổi làm việc với một số Bộ, ngành, địa phương để thống nhất nhận định đánh giá, bổ sung các số liệu cần thiết về hoạt động KH&CN giai đoạn 5 năm 2016-2020, trên cơ sở đó đề xuất định hướng hoạt động KH&CN giai đoạn 5 năm 2021-2025.

- Dự kiến khoảng tháng 10-11/2020 Bộ KH&CN sẽ có hướng dẫn chi tiết hơn để xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN 5 năm 2021-2025.

- Từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2020: Bộ KH&CN phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành, địa phương hoàn thành việc bố trí kế hoạch, hướng dẫn thực hiện các nội dung kế hoạch và ký Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN năm 2021, trong đó có những mốc thời gian quan trọng sau:

- Sau khi Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2021, Bộ KH&CN sẽ hướng dẫn chi tiết các nội dung kế hoạch KH&CN năm 2021 để các Bộ, ngành, địa phương thực hiện (dự kiến trước ngày 05 tháng 12 năm 2020).

- Trước ngày 31/12/2020, các Bộ, ngành, địa phương quyết định phương án phân bổ, giao kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2021 cho các đơn vị trực thuộc.

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2020 và xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN năm 2021 nếu có những chính sách, chế độ mới ban hành, Bộ KH&CN sẽ có thông báo hướng dẫn bổ sung; trường hợp phát sinh vướng mắc trong công tác tổ chức thực hiện, các Bộ, ngành, địa phương phản ánh về Bộ KH&CN để kịp thời xử lý.

Bộ KH&CN hướng dẫn nội dung kế hoạch KH&CN năm 2021 để các Bộ, ngành, địa phương biết và cùng phối hợp tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở KH&CN các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các vụ/đơn vị chức năng thuộc Bộ KH&CN;
- Lưu: VT, KHTC. *W*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Lê Xuân Định



DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 254/BKHCN-KHTC ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Phụ lục 1:

Biểu TK1-1: Kết quả hoạt động KH&CN 05 năm 2016-2020.

Biểu TK1-2: Kết quả hoạt động KH&CN nổi bật 05 năm 2016-2020.

Biểu TK1-3: Kết quả Chương trình KH&CN cấp quốc gia 05 năm 2016-2020.

Biểu TK1-4: Nhân lực và tổ chức KH&CN.

Biểu TK1-5: Kết quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN.

Biểu TK1-6: Văn bản về KH&CN được ban hành.

Biểu TK1-7: Kết quả triển khai thực hiện cơ chế khoán đối với nhiệm vụ KH&CN

Biểu TK1-8: Kết quả hoạt động của Quỹ phát triển KH&CN bộ, ngành, địa phương

Phụ lục 2:

Biểu TK2-1: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình KH&CN cấp quốc gia thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành năm 2021.

Biểu TK2-2: Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp bộ, tỉnh năm 2021.

Biểu TK2-3: Kế hoạch vốn đầu tư phát triển KH&CN năm 2021.

Biểu TK2-4: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2021 của các bộ, ngành, cơ quan trung ương.

Biểu TK2-5: Dự kiến kinh phí KH&CN năm 2021 của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Phụ lục 3: Danh mục các Chương trình/Đề án cấp quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Phụ lục 4: Danh mục các Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia.

Phụ lục 5: Danh mục các Chương trình/Đề án cấp quốc gia về KH&CN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao bộ ngành trực tiếp quản lý.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
05 NĂM 2016-2020**

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Bài báo, công bố, giải pháp, kiến nghị, ấn phẩm khoa học			<i>Ghi rõ các bài báo được đăng trên các tạp chí quốc tế trong danh sách ISI, Scopus</i>
1				
2				
...				
II	Sáng chế, giải pháp hữu ích; Các loại giống mới; Các loại vắc xin mới, chế phẩm mới; Các bản vẽ thiết kế mới, mẫu máy, thiết bị mới			<i>Ngày, tháng, năm (nộp đơn, tiếp nhận đơn, công nhận của Cơ quan có thẩm quyền)</i>
1				
2				
...				
III	Doanh nghiệp khoa học và công nghệ được hình thành			<i>Tên và loại hình doanh nghiệp; địa chỉ; giấy phép kinh doanh; số quyết định công nhận, nhân lực hiện có...</i>
1				
2				
...				
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm đang được hỗ trợ phát triển thông qua các nhiệm vụ KH&CN			Tên sản phẩm, nhiệm vụ KH&CN; tình hình thực hiện
2	Đổi mới công nghệ, ứng dụng công nghệ vào sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp			Ghi rõ kết quả, hiệu quả thực hiện, kèm theo tên nhiệm vụ KH&CN; kinh phí thực hiện

				(chỉ rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; từ bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
3	Dự án đầu tư trang thiết bị, công nghệ; dự án tăng cường năng lực nghiên cứu			Đánh giá tình hình thực hiện, số kinh phí và nguồn (trong đó ghi rõ nguồn vốn từ ngân sách trung ương; của bộ, ngành, địa phương; từ doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty, Quỹ PTKHCN của doanh nghiệp và các nguồn khác).
V	Kết quả khác			<i>Ghi rõ các thông tin có liên quan đến kết quả</i>
1				
...				

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
05 NĂM 2016-2020

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1				
2				

**KẾT QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP QUỐC GIA
05 NĂM 2016-2020**

STT	Tên Chương Trình/Đề án	Chỉ tiêu/Mục tiêu đề ra	Kết quả đã đạt được	Đánh giá mức độ hoàn thành (%)	Lý do
1					
2					

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu & phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động ¹	Nhân lực hiện có đến 30/6/2020						Kinh phí chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2020 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH						
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư	Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (6+9)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
I	Các đơn vị do cấp bộ, ngành, địa phương quyết định thành lập									
1										
2										
...										
II	Các đơn vị do cấp khác thành lập được giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý									
1										
2										
...										
	Tổng số									

¹ Cơ chế hoạt động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc 1 trong 4 loại theo Nghị định 54/2016/NĐ-CP

Bộ

UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1

Biểu TK1-5

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2019 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2020 VÀ 05 NĂM 2016-2020**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)		
			Năm 2019	6 tháng đầu năm 2020	05 năm 2016-2020
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai				
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ			
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ			
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ			
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ			
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ			
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ			
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyển giao công nghệ				
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA			
2	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	HD			
3	Giám định công nghệ	CN			
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân				
1	Số nguồn phóng xạ kín				
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn			
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn			
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới				
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị			
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị			
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị			
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)			
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án			
5	Thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng			
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở			
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép			
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ				
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ			
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn			
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng			
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công	Vụ			

	nghiệp			
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA		
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thống kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị		
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc		
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc		
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị		
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ		
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ		
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			
1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ		
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công	Doanh nghiệp		

	nghệ ²				
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp			
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ			
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ			
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ			
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN				
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người			
3	Kéo dài thời gian công tác	Người			
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người			
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người			
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người			
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN				
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp			
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở			
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng			
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị			
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN				
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ			

² Doanh nghiệp trong năm có một trong các hoạt động sau đây được coi là có đổi mới công nghệ:

- Thực hiện nghiên cứu phát triển công nghệ có kết quả được chuyển giao, đánh giá, nghiệm thu hoặc ứng dụng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có đăng ký sở hữu trí tuệ (sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp).
- Có nhận chuyển giao công nghệ hoặc đầu tư, mua sắm mới hoặc nâng cấp máy móc, thiết bị hoặc thay đổi quy trình sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến sản phẩm hoặc sản xuất hiệu quả hơn (giảm giá thành sản xuất sản phẩm; giảm tiêu thụ năng lượng; nguyên, nhiên, vật liệu; giảm phát thải, đạt các chỉ tiêu về môi trường; ...).
- Đưa vào áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng như: ISO; HACCP; GMP (thực hành sản xuất tốt); KPI (Đo lường hiệu suất); TPM (duy trì năng suất toàn diện); TQM (quản lý chất lượng toàn diện); PMS (cải tiến năng suất toàn diện); thực hành 5S, Six Sigma, Kaizen, ...
- Đạt được các tiêu chuẩn, chứng nhận chuyên ngành: VietGap, Global Gap, GMP, BRC (Tiêu chuẩn thực phẩm toàn cầu),... hoặc nâng cấp lên mức tiêu chuẩn cao hơn (ví dụ: GMP-ASEAN → GMP-WHO → PIC/S → EU-GMP) hoặc đạt được các chứng chỉ quốc tế (chứng chỉ ASTM của Mỹ; JISG3505, JIS3112 của Nhật Bản; ...).

2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%			
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia				
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)	Doanh nghiệp			
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án			
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp			
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị			
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức			

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-7

**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOÁN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN 05 NĂM 2016-2020**

Số nhiệm vụ triển khai 05 năm 2016-2020		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Bộ, Tỉnh		
Cấp cơ sở		

Bộ
UBND tỉnh, thành phố....

Phụ lục 1
Biểu TK1-8

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA QUỸ PHÁT TRIỂN KH&CN BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Quyết định thành lập (số, ngày tháng năm)	Vốn điều lệ (Triệu đồng)	Hoạt động tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay,		Giải ngân (Triệu đồng)		Ghi chú
		Nội dung	Tổng kinh phí (Triệu đồng)	Năm 2019	Năm 2020	
		Tài trợ				
		Cho vay				
		Bảo lãnh vốn vay				
					

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021
CỦA CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA BỘ NGÀNH**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2020	Dự kiến năm 2021	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2021	
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2021										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
II	Nhiệm vụ mở mới 2021										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ, TỈNH NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ							Đơn vị chủ trì
				Tổng số	Nguồn NSNN			Nguồn khác			
					Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2020	Dự kiến năm 2021	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2021	
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10
	Tổng cộng										
I	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang 2021										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										
II	Nhiệm vụ mới 2021										
1.1	Nhiệm vụ.....										
1.2	Nhiệm vụ.....										
	...										

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Cơ sở pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2021
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>								
1									
2									
...									
<i>II</i>	<i>Dự án mới</i>								
1									
....									

DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2020	DỰ KIẾN KINH PHÍ NĂM 2021
A	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
I	Nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia (các Chương trình/Đề án được tiếp tục giao kinh phí về Bộ, ngành quản lý)	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1.1	Chương trình/Đề án 1		
1.2	Chương trình/Đề án 2		
....			
II	Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Chỉ nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		
2	Chỉ nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ		
3	Các hoạt động KH&CN khác		
3.1			
3.2			
...			
4	Các dự án có tính chất đặc biệt		
4.1			
4.2			
...			
B	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1		
2	Dự án 2		
...			
	Tổng số (A + B)		

DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2021

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2020	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2020	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2020	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2021
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)				
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện				
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước				
	Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng				
	Sở hữu trí tuệ				
	Thông tin và thống kê KH&CN				
	Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân				
	Đào tạo, tập huấn				
	Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN				
	Thanh tra KH&CN				
	Hợp tác quốc tế				
	Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN				
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện				
6	Chi các đơn vị sự nghiệp				
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp				
8	Chi khác				
II	Kinh phí đầu tư phát triển	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>
1	Dự án 1				
2	Dự án 2				
...					
	Tổng số	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>	<i>(Tổng số)</i>

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH /ĐỀ ÁN QUỐC GIA VỀ KH&CN
ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHÊ DUYỆT**

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số QĐ, ngày
I	Các Chương trình/Đề án kết thúc năm 2020	
1	Chương trình Quốc gia Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020 (Chương trình gồm 09 dự án thành phần, được giao cho 07 Bộ và UBND tỉnh/thành phố chủ trì)	712/QĐ-TTg ngày 21/5/2010
2	Áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014
3	Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020	1062/QĐ-TTg ngày 14/6/2016
4	Chương trình phát triển sản phẩm Quốc gia đến năm 2020	2441/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
5	Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2020	2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010
6	Chương trình đổi mới công nghệ Quốc gia đến năm 2020	677/QĐ-TTg ngày 10/5/2021
7	Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về KH&CN đến năm 2020	538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014
8	Chương trình tìm kiếm và chuyển giao công nghệ nước ngoài đến năm 2020	1069/QĐ-TTg ngày 04/7/2014
9	Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	1381/QĐ-TTg ngày 12/7/2016
10	Chương trình Phát triển thị trường KH&CN đến năm 2020	2075/QĐ-TTg ngày 08/11/2013
11	Chương trình phát triển vật lý đến năm 2020	380/QĐ-TTg ngày 14/3/2015
II	Các Chương trình/Đề án tiếp tục triển khai sau năm 2020	
1	Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025	1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015

2	Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	1671/QĐ-TTg ngày 28/9/2015
3	Chương trình phát triển khoa học và công nghệ trong 4 lĩnh vực: hóa học, khoa học sự sống, khoa học trái đất, khoa học biển giai đoạn 2017 - 2025	562/QĐ-TTg ngày 25/4/2017
4	Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030	1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2019
5	Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025	844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016
6	Đề án đào tạo, bồi dưỡng nhân lực KH&CN ở trong nước và nước ngoài bằng NSNN	2395/QĐ-TTg ngày 25/12/2015
7	Đề án nâng cao năng lực của Trung tâm ứng dụng tiến bộ KH&CN, trung tâm kỹ thuật TCĐLCL thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	317/QĐ-TTg ngày 15/3/2012
8	Đề án Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ nghiên cứu và đổi mới hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2017-2025	2469/QĐ-TTg ngày 16/12/2016
9	Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”	996/QĐ-TTg ngày 10/8/2018
10	Thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	1851/QĐ-TTg ngày 27/12/2018
II	Các Chương trình/Đề án tiếp tục hoàn thiện pháp lý triển khai sau năm 2020	
1	Chương trình Quốc gia về KH&CN phục vụ phát triển đô thị thông minh ở Việt Nam giai đoạn 2021-2025 <i>[Bộ KH&CN chủ trì phê duyệt triển khai thực hiện]</i>	950/QĐ-TTg ngày 01/8/2018
2	Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám phục vụ phát triển kinh tế xã hội và quốc phòng – an ninh” <i>[Bộ TN&MT trình Thủ tướng Chính phủ năm 2020]</i>	149/QĐ-TTg ngày 01/02/2019
3	Chương trình nghiên cứu KH&CN trọng điểm quốc gia thuộc lĩnh vực sử dụng năng lượng và hiệu quả 2019-2030 <i>[Bộ KH&CN chủ trì phê duyệt triển khai thực hiện]</i>	280/QĐ-TTg ngày 13/3/2019
4	Phát triển công nghiệp sinh học đến năm 2030 <i>[Bộ NN&PTNT, Bộ CT, Bộ TN&MT xây dựng nội dung, lộ trình, nhiệm vụ trình Thủ tướng Chính phủ]</i>	533/QĐ-TTg ngày 21/4/2017

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH KH&CN TRỌNG ĐIỂM CẤP QUỐC GIA

Số TT	Tên Chương trình	Mã số
I	Các Chương trình kết thúc năm 2020	
1	Nghiên cứu các vấn đề trọng yếu của khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	KX.01/16-20
2	Nghiên cứu về khoa học lý luận chính trị	KX.04/16-20
3	Nghiên cứu công nghệ và phát triển sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ Chính phủ điện tử	KC.01/16-20
4	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ vật liệu mới	KC.02/16-20
5	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng	KC.05/16-20
6	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ bảo vệ môi trường và phòng tránh thiên tai	KC.08/16-20
7	Nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ quản lý biển, hải đảo và phát triển kinh tế biển	KC.09/16-20
8	Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ tiên tiến phục vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cộng đồng	KC.10/16-20
II	Các Chương trình tiếp tục triển khai sau năm 2020	
9	Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 (đến năm 2025)	KC.4.0/19-25

DANH MỤC
CÁC CHƯƠNG TRÌNH/ĐỀ ÁN KH&CN CẤP QUỐC GIA
GIAO BỘ, NGÀNH TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

Số TT	Tên Chương trình/ Đề án	Số Quyết định
I	Bộ Công thương	
1	Đề án phát triển ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ trong công nghiệp đến năm 2020	2078/QĐ-BCT ngày 29/4/2009
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực công nghiệp chế biến đến năm 2020	14/2007/QĐ-TTg ngày 25/01/2007
3	Chương trình nghiên cứu khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia phát triển công nghiệp hoá dược đến năm 2020	61/2007/QĐ-TTg ngày 07/5/2007
4	Chương trình KH&CN trọng điểm cấp quốc gia phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản đến năm 2025	259/QĐ-TTg ngày 22/02/2017
5	Dự án Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngành công nghiệp	604/QĐ-TTg ngày 25/02/2012
II	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
1	Chương trình trọng điểm phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2020	11/2006/QĐ-TTg ngày 12/01/2006
2	Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học trong lĩnh vực thủy sản đến năm 2020	97/2007/QĐ-TTg ngày 29/6/2007
3	Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015 (Tiếp tục giai đoạn 2016-2020)	45/QĐ-TTg ngày 12/01/2017
4	Đề án “Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong nông nghiệp đến năm 2020”	775/QĐ-TTg ngày 02/06/2010
III	Bộ Tài nguyên và Môi trường	
1	Chương trình khoa học và công nghệ ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường giai đoạn 2016-2020	172/QĐ-BKHHCN ngày 29/01/2016
2	Đề án “Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong khí tượng, thủy văn, địa chất, khoáng sản và bảo vệ môi trường đến năm 2020”	899/QĐ-TTg ngày 10/6/2011
IV	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam	
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên trong liên kết vùng và hội nhập quốc tế	965/QĐ-BKHHCN ngày 26/4/2016

2	Chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia về công nghệ vũ trụ giai đoạn 2016-2020	838/QĐ-BKHCN ngày 12/4/2016
V	Đại học Quốc gia Hà Nội	
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc	1746/QĐ-BKHCN ngày 28/6/2013
VI	Viện Hàn lâm Khoa học và xã hội Việt Nam, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh	
1	Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ 2014-2020	734/QĐ-BKHCN ngày 18/4/2014
VII	Bộ Giáo dục và Đào tạo	
1	Chương trình khoa học và công nghệ “Nghiên cứu phát triển Khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục Việt Nam”	888/QĐ-BKHCN ngày 04/5/2015
VIII	Ủy ban Dân tộc	
1	Chương trình khoa học và công nghệ “Những vấn đề cơ bản và cấp bách về các dân tộc thiểu số và chính sách dân tộc ở Việt Nam đến năm 2030”	1641/QĐ-BKHCN ngày 29/6/2015
IX	Bộ Y tế	
1	Đề án “Quy hoạch chi tiết phát triển, ứng dụng bức xạ trong y tế đến năm 2020”	1958/QĐ-TTg ngày 04/11/2011